

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

LỊCH THI HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2009 - 2010 (CÁC LỚP KHÓA 2)

Địa điểm: Trường Đại Học Tây Đô - Cái Răng

NGÀY THI	GIỜ THI	MÔN THI	LỚP	SV	SV	SV	PHÒNG THI	GIẢNG VIÊN	ĐƠN VỊ	CÁN BỘ COI THI
Thứ Hai 18/01/10	7g-9g	Quản trị tài chính	NH2A	105	40	1-40	A15	Trương Thị Bích Liên		
					40	41-80	A16	Trương Thị Bích Liên		
		Quản trị tài chính	NH2B	108	40	1-40	B1	Trương Thị Bích Liên		
					40	41-80	B2	Trương Thị Bích Liên		
		Quản trị tài chính	NH2A	108	25	81-105	B3	Trương Thị Bích Liên		
			NH2B		28	81-108				
		Kế toán đơn vị sự nghiệp	KT2A	111	40	1-40	B4	Phú Lệ Quyên		
					40	41-80	B5	Phú Lệ Quyên		
					31	81-111	B6	Phú Lệ Quyên		
		Kế toán đơn vị sự nghiệp	KT2B	128	45	1-45	B7	Phú Lệ Quyên		
					45	46-90	B8	Phú Lệ Quyên		
					38	91-128	C1	Phú Lệ Quyên		
		Quản trị sản xuất	QT2A	81	40	1-40	C2	Nguyễn Hồng Gấm		

Thứ Hai 18/01/10	7g-9g	Quản trị sản xuất	QT2A		41	41-81	C3	Nguyễn Hồng Gám		
		Quản trị sản xuất	QT2B	98	50	1-50	C4	Nguyễn Hồng Gám		
					48	51-98	C5	Nguyễn Hồng Gám		
	9g-11g	Lập trình căn bản - Điện tử	ĐT2	78	40	1-40	A15	Trần Hoài Tâm		
					38	41-78	A16	Trần Hoài Tâm		
		Nhập môn Việt Nam học	DL2	113	40	1-40	B1	Khoa Năng Lập		
					40	41-80	B2	Khoa Năng Lập		
					33	81-113	B3	Khoa Năng Lập		
		Hình thái và phân loại giáp xác nhuyễn thể	NTTS2	105	40	1-40	B4	Tạ Văn Phương		
					40	41-80	B5	Tạ Văn Phương		
					25	81-105	B6	Tạ Văn Phương		
		Cơ nhiệt ĐC	TH2	149	50	1-50	C1	Nguyễn Lê Hoài Phuong		
					50	51-100	C2	Nguyễn Lê Hoài Phuong		
					49	101-149	C3	Nguyễn Lê Hoài Phuong		
		Trắc địa đại cương	XD2	142	50	1-50	C4	Trần Vũ An		
					50	51-100	C5	Trần Vũ An		
					42	101-142	B7	Trần Vũ An		

13g-15g	Lập trình hướng đối tượng C++	CĐTH2	58	40	1-40	C1	Lê Thanh Trúc			
	Kỹ thuật điện xây dựng	CĐXD2	73	40	1-40	C2	Đỗ Chí Tâm			
	Lập trình hướng đối tượng C++	CĐTH2		18	41-18	C3	Lê Thanh Trúc			
	Kỹ thuật điện xây dựng	CĐXD2		33	41-73		Đỗ Chí Tâm			
	Dẫn luận văn chương	AV2A		38	38	1-38	C4	Minh Trung (ĐHCT)		
	Dẫn luận văn chương	AV2B	37	37	1-37	A15	Minh Trung (ĐHCT)			
	Dẫn luận văn chương	AV2C	36	36	1-36	A16	Minh Trung (ĐHCT)			
Thứ Hai 18/01/10	Thanh toán quốc tế	CĐKT2A	108	40	1-40	B1	Phòng Thị Huỳnh Ma			
				40	41-80	B2	Phòng Thị Huỳnh Ma			
	Thanh toán quốc tế	CĐKT2B	81	40	1-40	C1	Phòng Thị Huỳnh Ma			
				41	41-81	C2	Phòng Thị Huỳnh Ma			
	Thanh toán quốc tế	CĐKT2A	64	40	1-40	C3	Phòng Thị Huỳnh Ma			
				28	81-108		C4	Phòng Thị Huỳnh Ma		
				24	41-64					
	Thanh toán quốc tế	CĐQ2A		40	1-40	A15	Phòng Thị Huỳnh Ma			
	Thanh toán quốc tế	CĐQ2B	81	40	1-40	A15	Phòng Thị Huỳnh Ma			
41				41-81	A16	Phòng Thị Huỳnh Ma				

		Thanh toán quốc tế	CDQT2B		41	41-81	A10	Hong Thi Huynh Hoa		
Thứ Tư 20/01/10	7g-9g	Thanh toán quốc tế	NH2A	105	40	1-40	A15	Trần Quang Phương		
					40	41-80	A16	Trần Quang Phương		
		Thanh toán quốc tế	NH2B	108	40	1-40	B1	Trần Quang Phương		
					40	41-80	B2	Trần Quang Phương		
		Thanh toán quốc tế	NH2A	108	25	81-105	B3	Trần Quang Phương		
			NH2B		28	81-108				
		Thuế	KT2A	111	40	1-40	B4	Lương Văn Cầu		
					40	41-80	B5	Lương Văn Cầu		
					31	81-111	B6	Lương Văn Cầu		
		Thuế	KT2B	128	45	1-45	B7	Lương Văn Cầu		
					45	46-90	B8	Lương Văn Cầu		
					38	91-128	C1	Lương Văn Cầu		
Thuế	QT2A	81	40	1-40	C2	Nguyễn Văn Tươi				
			41	41-81	C3	Nguyễn Văn Tươi				
Thuế	QT2B	88	50	1-50	C4	Nguyễn Văn Tươi				

					48	51-98	C5	Nguyễn Văn Tươi		
Thứ Tư 20/01/10	9g-11g	Kỹ thuật vi xử lý	ĐT2	78	40	1-40	A15	Trần Nhật Khải Hoàn		
					38	41-78	A16	Trần Nhật Khải Hoàn		
		Toán rời rạc 1	TH2	149	50	1-50	B1	Lâm Thị Ngọc Châu		
					50	51-100	B2	Lâm Thị Ngọc Châu		
					49	101-149	B3	Lâm Thị Ngọc Châu		
		Anh văn Chuyên ngành Xây dựng	XD2	142	50	1-50	B4	Nguyễn Văn Tình		
	50				51-100	B5	Nguyễn Văn Tình			
	42				101-142	B6	Nguyễn Văn Tình			
	Các dân tộc ở Việt Nam	DL2	113	40	1-40	C1	Lê Thị Mai Hương			
				40	41-80	C2	Lê Thị Mai Hương			
				33	81-113	C3	Lê Thị Mai Hương			
	Dinh dưỡng và thức ăn cá	NTTS2	105	40	1-40	C4	Trần Ngọc Tuyền			
				40	41-80	C5	Trần Ngọc Tuyền			
				25	81-105	B7	Trần Ngọc Tuyền			
	13g-	Phân tích thiết kế hệ thống TT	CĐTH2	58	40	1-40	C1	Phan Tấn Tài		
40					1-40	C2	Vũ Quang Thanh			

	15g	Máy xây dựng	CĐXD2	73	40	1-40	C2	Vũ Quang Thành		
		Phân tích thiết kế hệ thống TT	CĐTH2		18	41-18	C3	Phan Tấn Tài		
Thứ Tư 20/01/10	13g- 15g	Máy xây dựng	CĐXD2		33	41-73	C3	Vũ Quang Thành		
		Dịch thực hành 1	AV2A	38	38	1-38	C4	Lê Thị Nết		
		Dịch thực hành 1	AV2B	37	37	1-37	A15	Lê Thị Nết		
		Dịch thực hành 1	AV2C	36	36	1-36	A16	Lê Thị Nết		
	15g- 17g	Thuế	CĐKT2A	108	40	1-40	B1	Nguyễn Thanh Cường		
					40	41-80	B2	Nguyễn Thanh Cường		
		Thuế	CĐKT2B	81	40	1-40	C1	Lương Văn Cầu		
					41	41-81	C2	Lương Văn Cầu		
		Thuế	CĐQT2A		40	1-40	C3	Lương Văn Cầu		
		Thuế	CĐKT2A	64	28	81-108	C4	Nguyễn Thanh Cường		
			CĐQT2A		24	41-64		Lương Văn Cầu		
		Thuế	CĐQT2B	81	40	1-40	A15	Lương Văn Cầu		
41	41-81				A16	Lương Văn Cầu				
Thứ Sáu 20/01/10	7g-9g	Nguyên lý thống kê	NH2A	105	40	1-40	A15	Nguyễn Hồng Diễm		
					40	41-80	A16	Nguyễn Hồng Diễm		

22/01/10	7g-7g	Nguyên lý thống kê	NH2B	108	40	1-40	B1	Nguyễn Hồng Diễm		
					40	41-80	B2	Nguyễn Hồng Diễm		
Thứ Sáu 22/01/10	7g-9g	Nguyên lý thống kê	NH2A	111	25	81-105	B3	Nguyễn Hồng Diễm		
			NH2B		28	81-108				
		Nguyên lý thống kê	KT2A	111	40	1-40	B4	Nguyễn Thị Lệ		
					40	41-80	B5	Nguyễn Thị Lệ		
					31	81-111	B6	Nguyễn Thị Lệ		
		Nguyên lý thống kê	KT2B	128	45	1-45	B7	Nguyễn Thị Lệ		
	45				46-90	B8	Nguyễn Thị Lệ			
	38				91-128	C1	Nguyễn Thị Lệ			
	Nguyên lý thống kê	QT2A	81	40	1-40	C2	Trần Tuấn Kiệt			
				41	41-81	C3	Trần Tuấn Kiệt			
	Nguyên lý thống kê	QT2B	98	50	1-50	C4	Trần Tuấn Kiệt			
				48	51-98	C5	Trần Tuấn Kiệt			
9g-		Kiến trúc máy tính Điện tử	ĐT2	78	40	1-40	A15	Đặng Văn Sơn		
					38	41-78	A16	Đặng Văn Sơn		
					50	1-50	B1	Lâm Thị Ngọc Châu		

Thứ Sáu 22/01/10	11g	Hệ điều hành	TH2	149	50	1-50	B1	Lâm Thị Ngọc Châu		
					50	51-100	B2	Lâm Thị Ngọc Châu		
					49	101-149	B3	Lâm Thị Ngọc Châu		
	9g- 11g	PP Nghiên cứu viết BCKH	XD2	142	50	1-50	B4	Vũ Quang Thanh		Đã có điểm
					50	51-100	B5	Vũ Quang Thanh		Đã có điểm
					42	101-142	B6	Vũ Quang Thanh		Đã có điểm
					40	1-40	C1	Lê Ngọc Thúy		
					40	41-80	C2	Lê Ngọc Thúy		
					33	81-113	C3	Lê Ngọc Thúy		
		KT nuôi thức ăn tự nhiên	NTTS2	105	40	1-40	C4	Nguyễn Hữu Lộc		
40					41-80	C5	Nguyễn Hữu Lộc			
25					81-105	B7	Nguyễn Hữu Lộc			
13g- 15g		Thiết kế và cài đặt mạng	CĐTH2	58	40	1-40	B1	Phạm Hoàng Sơn		
	Cấu tạo kiến trúc	CĐXD2	73	40	1-40	B2	Phạm Xuân Hào			
	Thiết kế và cài đặt mạng	CĐTH2		18	41-18	B3	Phạm Hoàng Sơn			
	Cấu tạo kiến trúc	CĐXD2	33	41-73	Phạm Xuân Hào					
	Lý thuyết dịch 1	AV2A	38	38	1-38	B4	Va Thái Như Phương			
	Lý thuyết dịch 1	AV2B	37	37	1-37	B5	Va Thái Như Phương			

		Lý thuyết dịch 1	AV2C	36	36	1-36	A16	Wa Thái Như Phương		
	15g-17g	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	CĐKT2A	108	40	1-40	B1	Nguyễn Minh Tiến		
					40	41-80	B2	Nguyễn Minh Tiến		
Thứ Sáu 22/01/10	15g-17g	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	CĐKT2B	81	40	1-40	B3	Nguyễn Minh Tiến		
					41	41-81	B4	Nguyễn Minh Tiến		
		Giao tiếp kinh doanh	CĐQT2A	64	40	1-40	B5	Trương Hòa Bình		
		Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	CĐKT2A		28	81-108	C1	Nguyễn Minh Tiến		
		Giao tiếp kinh doanh	CĐQT2A		24	41-64		Trương Hòa Bình		
		Giao tiếp kinh doanh	CĐQT2B	81	40	1-40	A15	Trương Hòa Bình		
		41	41-81		A16	Trương Hòa Bình				
Thứ Hai 25/01/10	7g-9g	Kinh tế lượng	NH2A	105	40	1-40	A15	Bùi Thị Kim Thanh		
					40	41-80	A16	Bùi Thị Kim Thanh		
		Kinh tế lượng	NH2B	108	40	1-40	B1	Bùi Thị Kim Thanh		
					40	41-80	B2	Bùi Thị Kim Thanh		
		Kinh tế lượng	NH2A		25	81-105	B3	Bùi Thị Kim Thanh		
			NH2B		28	81-108				
			40	1-40	B4	Trương Chí Tiến				

		Quản trị chất lượng SP	KT2A	111	40	41-80	B5	Trương Chí Tiến		
					31	81-111	B6	Trương Chí Tiến		
		Quản trị chất lượng SP	KT2B		45	1-45	B7	Nguyễn Thị Phương Dung		
					45	46-90	B8	Nguyễn Thị Phương Dung		
		Quản trị chất lượng SP	KT2B	128	38	91-128	C1	Nguyễn Thị Phương Dung		
					40	1-40	C2	Đoàn Hoài Nhân		
		Kinh tế lượng	QT2A	81	41	41-81	C3	Đoàn Hoài Nhân		
					50	1-50	C4	Đoàn Hoài Nhân		
		Kinh tế lượng	QT2B	98	48	51-98	C5	Đoàn Hoài Nhân		
					40	1-40	A15	Bùi Thanh Giang		
		Kỹ thuật điện (máy điện 1, 2)	ĐT2	78	38	41-78	A16	Bùi Thanh Giang		
					50	1-50	B1	Lê Thị Thu Lan		
		Lập trình hướng đối tượng C++	TH2	149	50	51-100	B2	Lê Thị Thu Lan		
					49	101-149	B3	Lê Thị Thu Lan		
					50	1-50	B4	Phạm Xuân Hào		
		Cấu tạo kiến trúc	XD2	142	50	51-100	B5	Phạm Xuân Hào		
					42	101-142	B6	Phạm Xuân Hào		

Thứ Hai
25/01/109g-
11g

				42	101-144	ĐU	Trần Xuân Hòa		
		Văn học dân gian Việt Nam	DL2	113	40	1-40	C1	Nguy T. Thanh Xuân	
					40	41-80	C2	Nguy T. Thanh Xuân	
					33	81-113	C3	Nguy T. Thanh Xuân	
					40	1-40	C4	Nguyễn Lê Hoàng Yên	
	9g-11g	Quản lí chất lượng nước trong nuôi trồng TS	NTTS2	105	40	41-80	C5	Nguyễn Lê Hoàng Yên	
					25	81-105	B7	Nguyễn Lê Hoàng Yên	
					40	1-40	B1	Nguyễn Thị Hoàng	
		Kiểm toán 1	CĐKT2A	108	40	41-80	B2	Nguyễn Thị Hoàng	
					40	1-40	B3	Nguyễn Thị Hoàng	
		Kiểm toán 1	CĐKT2B	81	41	41-81	B4	Nguyễn Thị Hoàng	
	13g-15g	Quản trị chất lượng SP	CĐQT2A		40	1-40	B5	Nguyễn Thanh Cường	
		Kiểm toán 1	CĐKT2A	64	28	81-108	C1	Nguyễn Thị Hoàng	
		Quản trị chất lượng SP	CĐQT2A		24	41-64		Nguyễn Thanh Cường	
					40	1-40	A15	Nguyễn Thanh Cường	
		Quản trị chất lượng SP	CĐQT2B	81	41	41-81	A16	Nguyễn Thanh Cường	
					40	1-40	B1	Ngô Bá Hùng	

Thứ Hai
25/01/10

		Mạng máy tính	CĐTH2	36	40	1-40	B1	Ngô Bá Hùng		
	15g-17g	Luật xây dựng	CĐXD2	73	40	1-40	B2	Võ Hoàng Yên		
		Mạng máy tính	CĐTH2		18	41-18	C1	Ngô Bá Hùng		
		Luật xây dựng	CĐXD2		33	41-73		Võ Hoàng Yên		
		Viết 5	AV2A	38	38	1-38	C2	Lưu Thu Thủy		
Thứ Hai 25/01/10	15g-17g	Viết 5	AV2B	37	37	1-37	A15	Lưu Thu Thủy		
		Viết 5	AV2C	36	36	1-36	A16	Lưu Thu Thủy		
Thứ Tư 27/01/10	7g-9g	Tài chính công	NH2A	105	40	1-40	A15	Nguyễn Thị Kim Phụng		
					40	41-80	A16	Nguyễn Thị Kim Phụng		
		Tài chính công	NH2B	108	40	1-40	B1	Nguyễn Thị Kim Phụng		
					40	41-80	B2	Nguyễn Thị Kim Phụng		
		Tài chính công	NH2A	111	25	81-105	B3	Nguyễn Thị Kim Phụng		
			NH2B		28	81-108				
		Quản trị nhân sự	KT2A	111	40	1-40	B4	Huỳnh Thị Cẩm Lý		
					40	41-80	B5	Huỳnh Thị Cẩm Lý		
					31	81-111	B6	Huỳnh Thị Cẩm Lý		
		Quản trị nhân sự	KT2B	128	45	1-45	B7	Huỳnh Thị Cẩm Lý		
45	46-90				B8	Huỳnh Thị Cẩm Lý				

				38	91-128	C1	Huỳnh Thị Cẩm Lý		
				40	1-40	C2	Huỳnh Thị Đoàn Hạnh		
				41	41-81	C3	Huỳnh Thị Đoàn Hạnh		
				50	1-50	C4	Huỳnh Thị Đoàn Hạnh		
				48	51-98	C5	Huỳnh Thị Đoàn Hạnh		
				40	1-40	A15	Hồ Minh Nhị		
				38	41-78	A16	Hồ Minh Nhị		
				50	1-50	B1	Nguyễn Văn Linh		
				50	51-100	B2	Nguyễn Văn Linh		
				49	101-149	B3	Nguyễn Văn Linh		
				50	1-50	B4	Huỳnh T. Cẩm Hồng		
				50	51-100	B5	Huỳnh T. Cẩm Hồng		
				42	101-142	B6	Huỳnh T. Cẩm Hồng		
				40	1-40	C1	Huỳnh T. L. Phương Hồ T. Xuân Quỳnh		
				40	41-80	C2	Huỳnh T. L. Phương Hồ T. Xuân Quỳnh		
				33	81-113	C3	Huỳnh T. L. Phương Hồ T. Xuân Quỳnh		
				40	1-40	C4	Nguyễn Hữu Lộc		
				40	41-80	C5	Nguyễn Hữu Lộc		

Thứ Tư
27/01/10

9g-11g

	thiết bị TS	CĐKT2A	105	40	41-80	B7	Nguyễn Hữu Lộc		
				25	81-105	B7	Nguyễn Hữu Lộc		
13g-15g	Kế toán quản trị	CĐKT2A	108	40	1-40	B1	Lê Phước Hương		
				40	41-80	B2	Lê Phước Hương		
	Kế toán quản trị	CĐKT2B	81	40	1-40	B3	Lê Phước Hương		
				41	41-81	B4	Lê Phước Hương		
13g-15g	Hành vi khách hàng	CĐQT2A	64	40	1-40	B5	Nguyễn Thế Anh		
	Kế toán quản trị	CĐKT2A		28	81-108	C1	Lê Phước Hương		
	Hành vi khách hàng	CĐQT2A		24	41-64		Nguyễn Thế Anh		
	Hành vi khách hàng	CĐQT2B	81	40	1-40	A15	Nguyễn Thế Anh		
41				41-81	A16	Nguyễn Thế Anh			
Thứ Tư 27/01/10	Phân tích hệ thống HĐT	CĐTH2	58	40	1-40	B1	Phạm Phi Giang		
	Kết cấu thép	CĐXD2	73	40	1-40	B2	Châu Minh Khải		
	Phân tích hệ thống HĐT	CĐTH2		18	41-18	C1	Phạm Phi Giang		
	Kết cấu thép	CĐXD2		33	41-73		Châu Minh Khải		
	Văn học Mỹ	AV2A	38	38	1-38	C2	Đặng Thị Hạnh		
	Văn học Mỹ	AV2B	37	37	1-37	A15	Đặng Thị Hạnh		
	Văn học Mỹ	AV2C	36	36	1-36	A16	Đặng Thị Hạnh		

Thứ Sáu 29/01/10	7g-9g	Tiền tệ ngân hàng	NH2A	105	40	1-40	A15	Nguyễn Đình Khôi				
					40	41-80	A16	Nguyễn Đình Khôi				
		Tiền tệ ngân hàng	NH2B	108	40	1-40	B1	Nguyễn Đình Khôi				
					40	41-80	B2	Nguyễn Đình Khôi				
		Tiền tệ ngân hàng	NH2A	108	25	81-105	B3	Nguyễn Đình Khôi				
			NH2B		28	81-108						
Thứ Sáu 29/01/10	7g-9g	Kế toán tài chính 1	KT2A	111	40	1-40	B4	Nguyễn Minh Tiến				
					40	41-80	B5	Nguyễn Minh Tiến				
					31	81-111	B6	Nguyễn Minh Tiến				
		Kế toán tài chính 1	KT2B	128	45	1-45	B7	Nguyễn Minh Tiến				
					45	46-90	B8	Nguyễn Minh Tiến				
					38	91-128	C1	Nguyễn Minh Tiến				
		Marketing Thương mại Dịch vụ	QT2A	81	40	1-40	C2	Võ Hồng Phượng				
					41	41-81	C3	Võ Hồng Phượng				
		Marketing Thương mại Dịch vụ	QT2B	98	50	1-50	C4	Võ Hồng Phượng				
					48	51-98	C5	Võ Hồng Phượng				
				Khí cụ điện	ĐT2	78	40	1-40	A15	Trần Trung Tính		
							28	41-78	A16	Trần Trung Tính		

				30	41-70	A10	Trần Hưng Minh			
	9g-11g	Anh văn chuyên ngành tin học	TH2	149	50	1-50	B1	Dương Văn Hiếu		
					50	51-100	B2	Dương Văn Hiếu		
					49	101-149	B3	Dương Văn Hiếu		
		Quy hoạch đô thị	XD2	142	50	1-50	B4	Huỳnh T. Cẩm Hồng		
					50	51-100	B5	Huỳnh T. Cẩm Hồng		
					42	101-142	B6	Huỳnh T. Cẩm Hồng		
	9g-11g	Văn hóa Phương Đông	DL2	113	40	1-40	C1	Lê Ngọc Thúy		
					40	41-80	C2	Lê Ngọc Thúy		
					33	81-113	C3	Lê Ngọc Thúy		
		Kỹ thuật nuôi thủy đặc sản	NTTS2	105	40	1-40	C4	Lê Quốc Toán		
					40	41-80	C5	Lê Quốc Toán		
					25	81-105	B7	Lê Quốc Toán		
Thứ Sáu 29/01/10	13g-15g	Lập trình truyền thông	CĐTH2	58	40	1-40	B1	Ngô Bá Hùng		
		Kết cấu gỗ, gạch đá	CĐXD2	73	40	1-40	B2	Đào Phú Yên		
		Lập trình truyền thông	CĐTH2		18	41-18	B3	Ngô Bá Hùng		
		Kết cấu gỗ, gạch đá	CĐXD2		33	41-73		Đào Phú Yên		
		Độc hiệu 5	AV2A		28	28	1-28	B4	Nguyễn T. Diễm Thúy	

		ĐỌC HIỂU 5	AV2A	36	36	1-36	B4	Nguyễn T. Diễm Thúy		
		Đọc hiểu 5	AV2B	37	37	1-37	B5	Nguyễn T. Diễm Thúy		
		Đọc hiểu 5	AV2C	36	36	1-36	A16	Nguyễn T. Diễm Thúy		
15g-17g	Kế toán đơn vị sự nghiệp	CĐKT2A	108	40	1-40	B1	Đặng Thị Thảo Triều			
				40	41-80	B2	Đặng Thị Thảo Triều			
		CĐKT2B	81	40	1-40	B3	Đặng Thị Thảo Triều			
				41	41-81	B4	Đặng Thị Thảo Triều			
Thứ Sáu 29/01/10	15g-17g	CĐQT2A	64	40	1-40	B5	La Nguyễn Thùy Dung			
				28	81-108	B6	Đặng Thị Thảo Triều			
		CĐQT2A		24	41-64		La Nguyễn Thùy Dung			
		CĐQT2B	81	40	1-40	B7	La Nguyễn Thùy Dung			
41	41-81			B8	La Nguyễn Thùy Dung					
7g-9g	Tin học ứng dụng	KT2A	111	40	1-40	B1	Thầy Linh			
				40	41-80	B2	Thầy Linh			
				31	81-111	B3	Thầy Linh			
		KT2B	128	45	1-45	B4	Thầy Linh			
				45	46-90	B5	Thầy Linh			

Thứ Hai 01/02/10	9g-7g				38	91-128	B6	Thầy Linh		
		Giao tiếp kinh doanh	QT2A	81	40	1-40	B7	Phạm Ngọc Phương		
					41	41-81	B8	Phạm Ngọc Phương		
		Giao tiếp kinh doanh	QT2B	98	50	1-50	A15	Trần Bình Hoàng		
					48	51-98	A16	Trần Bình Hoàng		
		9g-11g	Truyền dữ liệu	ĐT2	78	40	1-40	A15	Trần Nhật Khải Hoàn	
	38					41-78	A16	Trần Nhật Khải Hoàn		
	9g-11g	Hệ cơ sở dữ liệu	TH2	149	50	1-50	B1	Phan Tấn Tài		
					50	51-100	B2	Phan Tấn Tài		
					49	101-149	B3	Phan Tấn Tài		
Kết cấu thép		XD2	142	50	1-50	B4	Châu Minh Khải			
				50	51-100	B5	Châu Minh Khải			
				42	101-142	B6	Châu Minh Khải			
Lịch sử Việt Nam 2		DL2	113	40	1-40	B7	Lê Thị Mai Hương			
				40	41-80	B8	Lê Thị Mai Hương			
				33	81-113	C1	Lê Thị Mai Hương			
Thứ Hai 01/02/10					40	1-40	B1	Trần Thị Thanh		

13g-15g	Quản trị tài chính	CĐKT2A	108	40	1-40	B1	Phuong			
				40	41-80	B2	Trần Thị Thanh Phuong			
	Quản trị tài chính	CĐKT2B	81	40	1-40	B3	Trần Thị Thanh Phuong			
				41	41-81	B4	Trần Thị Thanh Phuong			
	Thương mại điện tử	CĐQT2A	64	40	1-40	B5	Nguyễn Hữu Tâm			
	Quản trị tài chính	CĐKT2A		28	81-108	B6	Trần Thị Thanh Phuong			
	Thương mại điện tử	CĐQT2A		24	41-64		Nguyễn Hữu Tâm			
	Thương mại điện tử	CĐQT2B	81	40	1-40	B7	Nguyễn Hữu Tâm			
				41	41-81	B8	Nguyễn Hữu Tâm			
	Thứ Hai 01/02/10	15g-17g	Nhập môn công nghệ phần mềm	CĐTH2	58	40	1-40	B1	Phan Phuong Lan	
Kết cấu bê tông cơ sở			CĐXD2	73	40	1-40	B2	Đào Phú Yên		
Nhập môn công nghệ phần mềm			CĐTH2		18	41-18	B3	Phan Phuong Lan		
Kết cấu bê tông cơ sở			CĐXD2		33	41-73		Đào Phú Yên		
Tiếng Anh Du lịch 1			AV2A		38	38	1-38	B4	Nguyễn T. Diễm Thúy	
Tiếng Anh Du lịch 1			AV2B	37	37	1-37	B5	Nguyễn T. Diễm Thúy		
Tiếng Anh Du lịch 1			AV2C	36	36	1-36	B6	Nguyễn T. Diễm Thúy		
				40	1-40	B1	Nguyễn Thị Kim Phuong			
				40	41-80	B2	Nguyễn Thị Kim			

Thứ Tư 03/02/10	7g-9g	Kế toán ngân sách	KT2A	111	40	41-80	B2	Phượng		
					31	81-111	B3	Nguyễn Thị Kim Phượng		
		Kế toán ngân sách	KT2B	128	45	1-45	B4	Nguyễn Thị Kim Phượng		
					45	46-90	B5	Nguyễn Thị Kim Phượng		
					38	91-128	B6	Nguyễn Thị Kim Phượng		
					40	1-40	B7	Võ Minh Sang		
		Nghiên cứu Marketing	QT2A	81	41	41-81	B8	Võ Minh Sang		
					50	1-50	A15	Võ Minh Sang		
		Nghiên cứu Marketing	QT2B	98	48	51-98	A16	Võ Minh Sang		
					40	1-40	A15	Nguyễn Viết Hùng		
9g-11g		Vật liệu điện	ĐT2	78	38	41-78	A16	Nguyễn Viết Hùng		
					50	1-50	B1	Trương Hòa Bình		
		Kỹ năng giao tiếp	TH2	149	50	51-100	B2	Trương Hòa Bình		
					49	101-149	B3	Trương Hòa Bình		
					50	1-50	B4	Đào Phú Yên		
		Kết cấu gỗ, gạch đá	XD2	142	50	51-100	B5	Đào Phú Yên		
					49	101-149	B6	Đào Phú Yên		
					40	1-40	A15	Nguyễn Viết Hùng		

Thứ Tư 03/02/10	Tổng quan du lịch Việt Nam	DL2	113	40	1-40	B7	Dương Thanh Xuân			
				40	41-80	B8	Dương Thanh Xuân			
				33	81-113	C1	Dương Thanh Xuân			
	13g- 15g	Nghiên cứu Marketing	CĐQT2A	64	40	1-40	B1	Võ Minh Sang		
		Nghiên cứu Marketing	CĐQT2A		24	41-64	B2	Võ Minh Sang		
		Nghiên cứu Marketing	CĐQT2B	81	40	1-40	B3	Võ Minh Sang		
					41	41-81	B4	Võ Minh Sang		
	15g- 17g	Lập trình Web	CĐTH2	58	40	1-40	B1	Lâm Tấn Phương		
		Tiếng Anh Thương Mại 2	AV2A	38	38	1-38	B2	Phan Thị Minh Uyên		
Thứ Tư 03/02/10	15g- 17g	Tiếng Anh Thương Mại 2	AV2B	37	37	1-37	B3	Phan Thị Minh Uyên		
		Tiếng Anh Thương Mại 2	AV2C	36	36	1-36	B4	Phan Thị Minh Uyên		
		Lập trình Web	CĐTH2	18	41-18	Lâm Tấn Phương				
Thứ Sáu 05/02/10	7g-9g	An toàn điện	ĐT2	78	40	1-40	B1	Bùi Thanh Giang		
					38	41-78	B2	Bùi Thanh Giang		
Thứ Sáu 05/02/10	9g- 11g	Kết cấu bê tông cơ sở	XD2	142	50	1-50	B1	Đào Phú Yên		
					50	51-100	B2	Đào Phú Yên		
					42	101-142	B3	Đào Phú Yên		

					42	101-144	DJ	Đào Phú Hải		
--	--	--	--	--	----	---------	----	-------------	--	--

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2009

Phòng Đào tạo

P. Trưởng Phòng

Lê Phú Nguyên Hải